

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HC-ST

Ngày: 31/7/2019

V/v: Khiếu kiện quyết định

thu hồi đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khóa;

2. Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 09/2019/TLST-HC ngày 21/01/2019 về khiếu kiện Quyết định hành chính về đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 45/2019/QĐXXST-HC ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà **Trần Thị H (tên gọi khác: Trần Thị Đ)**, sinh năm 1957.

Địa chỉ cư trú: Khu 1, khu dân cư số 1 xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương.
(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Người bị kiện:*

+ **Ủy ban nhân dân huyện M.**

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện M - Ông Nhữ Văn C.

+ **Chủ tịch UBND huyện M** - Ông Nhữ Văn C. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện M: Phó Chủ tịch UBND huyện M - Ông Bùi Hữu T (Theo Giấy ủy quyền ngày 14/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện M).

(Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ **Ủy ban nhân dân xã T, huyện M.**

Người đại diện: Phó Chủ tịch UBND xã T - Ông Trần Văn K (Theo Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của Chủ tịch UBND huyện M).

(Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ **Công ty cổ phần đầu tư S Việt Nam.**

Trụ sở công ty: Đường Q, phường Q, quận G, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch hội đồng quản trị công ty S - Ông Nguyễn Đình A.

(Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ **Chị Vũ Thị K**, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của chị K: Bà Trần Thị H (tên gọi khác: Trần Thị Đ), sinh năm 1957 (Theo Giấy ủy quyền ngày 06/6/2019 của chị Vũ Thị K).

Địa chỉ cư trú: Khu 1, khu dân cư số 1 xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị H - người khởi kiện đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Vũ Đình C, chị Vũ Thị K trình bày:

Năm 1993 hộ gia đình bà có 03 khẩu được chia ruộng gồm Trần Thị H, Vũ Đình C, Vũ Thị K và đã được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ năm 1996 toàn bộ diện tích 1446m².

Năm 2017, thực hiện dự án Khu dân cư mới xã T, UBND huyện M ra Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 (viết tắt là Quyết định 1290) thu hồi 396m² đất của gia đình bà thuộc thửa đất số 861 (toàn bộ thửa đất) theo trích lục đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 1-2017 tại xã T, huyện M, tức thửa 112/23 diện tích 162m² và thửa 253/4 diện tích 234m², tờ bản đồ số 5 theo GCNQSDĐ.

Cùng ngày 31/10/2017, UBND huyện M ra Quyết định số 1408/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và chi phí tổ chức thực hiện khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã T (viết tắt là Quyết định 1408).

Hiện nay gia đình bà chỉ còn phần diện tích đất này để làm kế sinh nhai nhưng giá bồi thường, hỗ trợ quá thấp nên bà đã có đơn khiếu nại đến nhưng Chủ tịch UBND huyện M ra Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 (viết tắt là Quyết định 79) với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà.

Do đó bà H khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện M về việc thu hồi đất của hộ bà H để thực hiện xây dựng khu dân cư mới xã T, huyện M.

- Hủy quyết định 1408/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện M về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình bà H.

- Hủy Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà H.

- Buộc UBND huyện M bồi thường hoa màu trên đất lúc bị chiếm dụng qua 3 vụ từ năm 2018 đến năm 2019. Sản lượng trung bình mỗi vụ khoảng 220kg/sào, thiệt hại quá 3 vụ là 660kg, giá thị trường trung bình là 10.000đ/kg.

- Buộc UBND xã T đổ nước vào khu đồng bị chiếm dụng để hộ bà H tiếp tục sản xuất trên phần đất ruộng đã thu hồi.

- Yêu cầu bồi thường con đường bê tông giữa cánh đồng do các hộ dân của 2 đội trong thôn đóng góp xây dựng.

- Làm rõ số tiền trả trước cho 85 hộ dân là đúng hay sai.

Đồng thời bà H đề nghị Tòa án xác định người bị kiện là Nguyễn Viết B liên quan đến dự án khu dân cư mới xã T.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện như sau:

- Mặc dù dự án khu dân cư mới xã T do UBND tỉnh phê duyệt là đúng nhưng đây không phải dự án công trình phúc lợi của Nhà nước mà thu hồi vì mục đích kinh tế xã hội nên người dân phải được thỏa thuận về giá đền bù. Tuy nhiên trên thực tế, UBND huyện M và UBND xã T thực hiện dự án không dân chủ, không công khai minh bạch, không cho dân được thỏa thuận về giá đền bù. Khi chưa có quyết định lựa chọn chủ đầu tư nhưng UBND huyện M và UBND xã T đã chi trả tiền đền bù cho người bị thu hồi đất. Ngày 28/6/2017 UBND huyện báo cáo tiến độ dự án và đã trả tiền đền bù cho 85/141 hộ dân nhưng đến ngày 27/9/2017 UBND tỉnh mới có Quyết định số 2922 về phê duyệt lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện xây dựng dự án khu dân cư mới xã T là công ty cổ phần S. Như vậy có sự thông đồng cấu kết giữa chủ đầu tư và UBND xã T trước 3 tháng, nhằm mua ruộng của dân với giá rẻ, sang nhượng cho chủ đầu tư giá cao. Đây là dấu hiệu rõ ràng của lợi ích nhóm.

- Theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 thì quyền sử dụng đất là quyền tài sản của công dân. Dự án khu dân cư mới T không phải dự án công trình công cộng Nhà nước nên khi thu hồi đất thì người bị thu hồi phải được thỏa thuận về giá. Gia đình bà cùng các hộ dân khác đã thắc mắc về giá nhưng UBND huyện M không báo cáo UBND tỉnh Hải Dương mà vẫn áp dụng Luật Đất đai 2013, thu hồi đất và áp giá theo khung giá của UBND tỉnh là không đúng.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà H đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Phó Chủ tịch UBND huyện M trình bày:

Thực hiện Nghị Quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 04/11/2016, Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và Công văn số 766/UBND-VP ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Hải Dương, UBND huyện M đã thực hiện thu hồi đất canh tác để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã T đồng thời bồi thường, hỗ trợ cho người dân bị thu hồi. Quá trình thực hiện, UBND huyện M đã thông báo về việc thu hồi đất, kiểm đếm cây cối, tài sản, lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng

dẫn. Cụ thể, UBND huyện M căn cứ vào giá đất chuyển nhượng thực tế, phổ biến trên địa bàn xã T tại các vị trí tương đồng để xây dựng giá đất bồi thường. UBND tỉnh Hải Dương ra quyết định phê duyệt hệ số điều chỉnh đối với dự án là $k = 1$ nên UBND huyện M căn cứ vào đó lập phương án và bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân trong đó có hộ bà H.

Bà H không đồng ý nên sau khi nhận các tài liệu, văn bản thì đã trả lại và cũng không nhận tiền bồi thường (Hội đồng GPMB đã gửi tiền bồi thường, hỗ trợ tại Ngân hàng) đồng thời khiếu làm đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND huyện M căn cứ trên báo cáo của Đoàn xác minh, không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà H.

UBND huyện M và Chủ tịch UBND huyện M xác định dự án khu dân cư mới xã T thuộc diện Nhà nước thu hồi đất, việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho người dân cũng như giải quyết khiếu nại được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Do đó UBND huyện M và Chủ tịch UBND huyện M không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

UBND huyện M và Chủ tịch UBND huyện M đã cung cấp toàn bộ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của UBND xã T trình bày:

Dự án khu dân cư mới xã T là dự án được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt. Các nội dung của dự án đã được UBND xã T công khai bằng hình thức niêm yết, thông báo trên hệ thống loa truyền thanh của xã. Khi triển khai thu hồi đất, UBND xã T phối hợp cùng Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng (Hội đồng GPMB) huyện M và các đoàn thể tuyên truyền, vận động để nhân dân biết và hiểu rõ về dự án.

UBND xã T xác định dự án khu dân cư mới xã T được thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần đầu tư S Việt Nam (viết tắt là công ty S) trình bày:

Công ty S là nhà thầu được trúng thầu theo quyết định của UBND tỉnh Hải Dương để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã T, huyện M. Sau khi UBND huyện M phê duyệt phương án bồi thường, công ty S đã chuyển tiền theo dự án cho Hội đồng GPMB huyện bao gồm tiền nộp ngân sách, tiền bồi thường, hỗ trợ cho người bị thu hồi đất và phối hợp với UBND xã T, UBND huyện M trong quá trình thực hiện việc thu hồi.

Công ty S cho rằng đây là dự án phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng nên việc xác định giá đất bồi thường phải áp dụng quy định của Luật Đất đai 2013. Người dân yêu cầu thỏa thuận về giá là không có căn cứ nên Công ty S không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Hiện nay dự án đủ điều kiện triển khai thi công nhưng phải tạm dừng 1 năm nên gây khó khăn và thiệt hại về tài chính, nhân sự của công ty. Do đó

Công ty S đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để công ty sớm thực hiện và hoàn thành dự án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên người đại diện hợp pháp của người bị kiện đề nghị vắng mặt nên không đối thoại được, Tòa án mở phiên tòa để xem xét giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Tất cả các đương sự đều vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và trong quá trình chuẩn bị xét xử, Thẩm phán cơ bản tuân theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết:

Ngày 31/10/2017 UBND huyện M ra Quyết định số 1290/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà H để thực hiện xây dựng khu dân cư mới xã T, huyện M.

Ngày 31/10/2017 UBND huyện M ra Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình bà H.

Do không đồng ý với giá thu hồi đất nên bà H khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện M. Ngày 08/01/2018 Chủ tịch UBND huyện M ra Quyết định số 79/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà H.

Ngày 01/01/2019 bà H khởi kiện đến TAND tỉnh Hải Dương yêu cầu hủy quyết định 1290, quyết định 79 và đã được Tòa án thụ lý. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H bổ sung thêm yêu cầu hủy quyết định 1408. Tuy thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định 1290 và Quyết định 1408 đã hết nhưng thời hiệu khiếu kiện đối với Quyết định 79 vẫn còn và Quyết định 79 có nội dung liên quan đến các Quyết định 1290, 1408 nên bà H khiếu kiện cả 3 quyết định hành chính nêu trên là vẫn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 LTTHC.

Các Quyết định 1290, 1408, 79 là các quyết định hành chính thuộc lĩnh vực quản lý hành chính về đất đai nên khiếu kiện các quyết định này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 LTTHC.

Vì vậy TAND tỉnh Hải Dương đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 LTTHC.

[2] Về việc xác định người tham gia tố tụng:

Trong đơn khởi kiện, bà H xác định người bị kiện là UBND huyện M và UBND xã T đồng thời yêu cầu xác định người bị kiện là ông Nguyễn Viết B liên quan đến vụ án. Tuy nhiên ông Nguyễn Viết B nay đã không còn giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã T. Việc xác định người bị kiện trong vụ án hành chính là người có thẩm quyền ban hành quyết định hành chính, hành vi hành chính là đối tượng khởi kiện. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã giải thích cho bà H về việc xác định lại người bị kiện nhưng bà H vẫn chỉ khởi kiện UBND huyện M và UBND xã T. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, HĐXX xác định người bị kiện trong vụ án gồm UBND huyện M và Chủ tịch UBND huyện M theo đúng quy định của pháp luật; UBND xã T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc xác định lại người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ bổ sung, thay đổi địa vị tố tụng, không làm thay đổi nội dung vụ án nên HĐXX vẫn tiếp tục xét xử.

Căn cứ vào nguồn gốc đất, TAND tỉnh Hải Dương xác định anh Vũ Đình C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng ngày 26/7/2019, TAND tỉnh Hải Dương nhận được đơn đề nghị của anh C có nội dung: Phần đất ruộng của anh đã bán cho Công ty giày da Đài Loan nên phần đất ruộng mới thu hồi năm 2017 không liên quan đến quyền lợi của anh. Do vậy HĐXX xác định anh Vũ Đình C không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về nội dung:

[3] Các Quyết định số 1290, 1408 của UBND huyện M và Quyết định 79 của Chủ tịch UBND huyện M được ban hành đúng trình tự, thủ tục của pháp luật, thể hiện cơ bản đúng thể thức văn bản.

Đối với việc bà H cho rằng khi chưa có quyết định phê duyệt nhà đầu tư, UBND xã T đã tiến hành bồi thường cho dân là vi phạm trình tự, thủ tục thu hồi và có dấu hiệu của lợi ích nhóm. Xem xét nội dung này HĐXX thấy rằng: Ngày 23/2/2017 UBND tỉnh Hải Dương ra Quyết định số 629/QĐ-UBND phê duyệt kết quả sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án. Ngày 15/3/2017 UBND tỉnh Hải Dương có ra Quyết định 804 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư. Ngày 27/9/2017, UBND tỉnh Hải Dương ra Quyết định 2922 phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Tuy nhiên, ngày 29/5/2017, Công ty S đã có Công văn số 08/2017/CV-S về việc ứng trước kinh phí phục vụ GPMB cho dự án khu dân cư mới xã T. Do Công ty S là nhà đầu tư duy nhất trúng sơ tuyển nên đã đề nghị UBND huyện M cho ứng trước tiền bồi thường hỗ trợ mà Hội đồng GPMB đã lập, trả cho các hộ dân có đất bị thu hồi để kịp thời đảm bảo quyền lợi cho người dân. Tuy nhiên, đối với những hộ không nhất trí phương án bồi thường thì chưa chi trả bồi thường. Đây chỉ là khoản ứng trước theo đề nghị của nhà đầu tư, nên không có căn cứ xác định có lợi ích nhóm của cá nhân, tổ chức nào, việc

ứng và nhận tiền bồi thường của người có đất bị thu hồi không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

[4] Xét quyết định 1290 thì thấy:

Ngày 05/10/2016 Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Nghị quyết số 16/NQ-HĐND về việc chấp thuận thu hồi đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án, công trình trên địa bàn tỉnh trong đó có dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã T nên việc thu hồi đất thực hiện dự án này thuộc trường hợp để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích công cộng và lợi ích chung của huyện M, tỉnh Hải Dương, theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật đất đai. Dự án này có cả diện tích đất thuộc thẩm quyền UBND tỉnh và diện tích đất thuộc thẩm quyền của UBND huyện M thu hồi nên thuộc thẩm quyền thu hồi của UBND tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên UBND tỉnh đã ủy quyền cho UBND huyện M ra quyết định thu hồi đất đối với các hộ gia đình có đất bị thu hồi, trong đó có gia đình bà H. Do vậy, UBND huyện M ban hành quyết định 1270 căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 là đúng quy định pháp luật. Tại phần căn cứ đã viện dẫn đầy đủ các văn bản pháp luật là căn cứ pháp lý ban hành quyết định. Trong đơn khởi kiện, người khởi kiện cũng nhất trí chủ trương thu hồi đất, chỉ thắc mắc về giá bồi thường, hỗ trợ.

[5] Xét quyết định 1408 thì thấy:

Hộ gia đình bà H đủ điều kiện được bồi thường, là đất nông nghiệp sử dụng trong hạn mức nên việc bồi thường áp dụng theo Điều 75, Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Người khởi kiện không đồng ý với mức giá tại phương án bồi thường mà xác định quyền sử dụng đất là quyền tài sản theo Bộ luật Dân sự 2015, người dân phải được thỏa thuận về giá khi thu hồi đất. Tuy nhiên dự án Khu dân cư mới xã T là dự án do Nhà nước thu hồi đất nên giá bồi thường được thực hiện theo nguyên tắc tại Điều 74 Luật đất đai năm 2013. Thời điểm áp giá để lập phương án bồi thường, thu hồi đất đối với dự án xã T được thực hiện theo Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn Luật đất đai.

Căn cứ vào các văn bản nêu trên thì quyền sử dụng đất được bồi thường theo giá cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất. UBND tỉnh Hải Dương áp dụng phương pháp xác định giá đất theo phương pháp “Hệ số điều chỉnh giá đất” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 5 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và được hướng dẫn tại Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 20/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để xác định giá đất bồi thường đối với dự án là phù hợp. Qua khảo sát và thực hiện các thủ tục theo luật định, các cơ quan chuyên môn về đất đai của tỉnh và của huyện đã tham mưu cho Ủy ban tỉnh Hải Dương xác định hệ số giá đất bồi thường và UBND tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm cơ sở tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất GPMB thực hiện dự án đầu

tư xây dựng khu dân cư mới xã T với hệ số $k=1$ và từ đó xác định giá đất nông nghiệp bị thu hồi là $70.000\text{đ} \times 1 = 70.000\text{đ}/\text{m}^2$.

Căn cứ vào giá đất UBND tỉnh Hải Dương, UBND huyện M ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất thu hồi của hộ gia đình bà H, cụ thể gia đình bà H được bồi thường 27.720.000đ về đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp 55.440.000đ, bồi thường Hoa màu (lúa) 3,168.000đ, hỗ trợ ổn định đời sống 6.210.000đ. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 92.538.000đ. Như vậy, việc xác định giá đất là đảm bảo đúng các quy định của pháp luật, các hỗ trợ khác đối hộ gia đình người khởi kiện đã được áp dụng đầy đủ và đảm bảo quy định. Do vậy, bà H cho rằng giá đất bồi thường là thấp, giá thu hồi nhà đầu tư phải thỏa thuận với người có đất bị thu hồi là không đúng quy định và không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét quyết định 79 thì thấy:

Bà H khiếu nại không đồng ý với phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất của hộ gia đình bà. Cụ thể: Không đồng ý về giá đất thu hồi là $70.000\text{đ}/\text{m}^2$ vì đây là dự án thương mại nên nhà đầu tư phải thỏa thuận về giá đất với người có đất; khoản hỗ trợ ổn định đời sống 30kg gạo/khẩu x 6 tháng là chưa thỏa đáng; Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp chỉ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp là quá thấp. Đề nghị xem xét đền bù cho người dân con đường bằng bê tông giữa cánh đồng do các hộ dân xứ Đông đã đóng góp.

Như đã phân tích ở trên thì giá bồi thường, hỗ trợ đối với người dân bị thu hồi đất được lập phương án đúng theo quy định của Luật Đất đai 2013 và các văn bản liên quan. Đối với đường bê tông giữa cánh đồng, Hội đồng GPMB đã lập và tính toán bồi thường. Số tiền bồi thường giao cho UBND xã T quản lý để đầu tư cho thôn theo quy định, không phải cho cá nhân nào. Do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc hủy Quyết định số 79.

[7] Đối với yêu cầu bồi thường: Người khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện M bồi thường do không được sản xuất 3 vụ lúa và đề nghị cho hộ gia đình bà H được tiếp tục sản xuất trên thửa ruộng đã bị thu hồi. HĐXX xét thấy Quyết định 1290, quyết định 1408 và quyết định 79 như đã phân tích ở trên là đúng pháp luật nên căn cứ Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự, không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của người khởi kiện.

[8] Đối với các yêu cầu của bà H gồm buộc UBND xã T đổ nước vào khu đồng bị chiếm dụng để hộ bà H tiếp tục sản xuất trên phần đất ruộng đã thu hồi và làm rõ số tiền trả trước cho 85 hộ dân là đúng hay sai không phải là khiếu kiện hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Tòa án không thụ lý là đúng và HĐXX không xem xét đối với các yêu cầu này.

[9] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và dân sự sơ thẩm nhưng được miễn vì là người cao tuổi.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 193, Điều 194, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 62, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 70, Điều 74, Điều 75, Điều 112, Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Điều 28, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 9, khoản 1 Điều 18, Điều 27, 28 và 29 của Luật Khiếu nại; Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 3, Điều 19, Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Điều 7 Thông tư 36/2014 ngày 20/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định về giá đất; Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp án phí lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H (Trần Thị Đ) về việc hủy Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện M về việc thu hồi đất của hộ bà H để thực hiện xây dựng khu dân cư mới xã T, huyện M; hủy quyết định 1408/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện M về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình bà H; hủy Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà H.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc buộc UBND huyện M bồi thường 03 vụ lúa không được canh tác.

3. Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà Trần Thị H.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Đăng Huy

